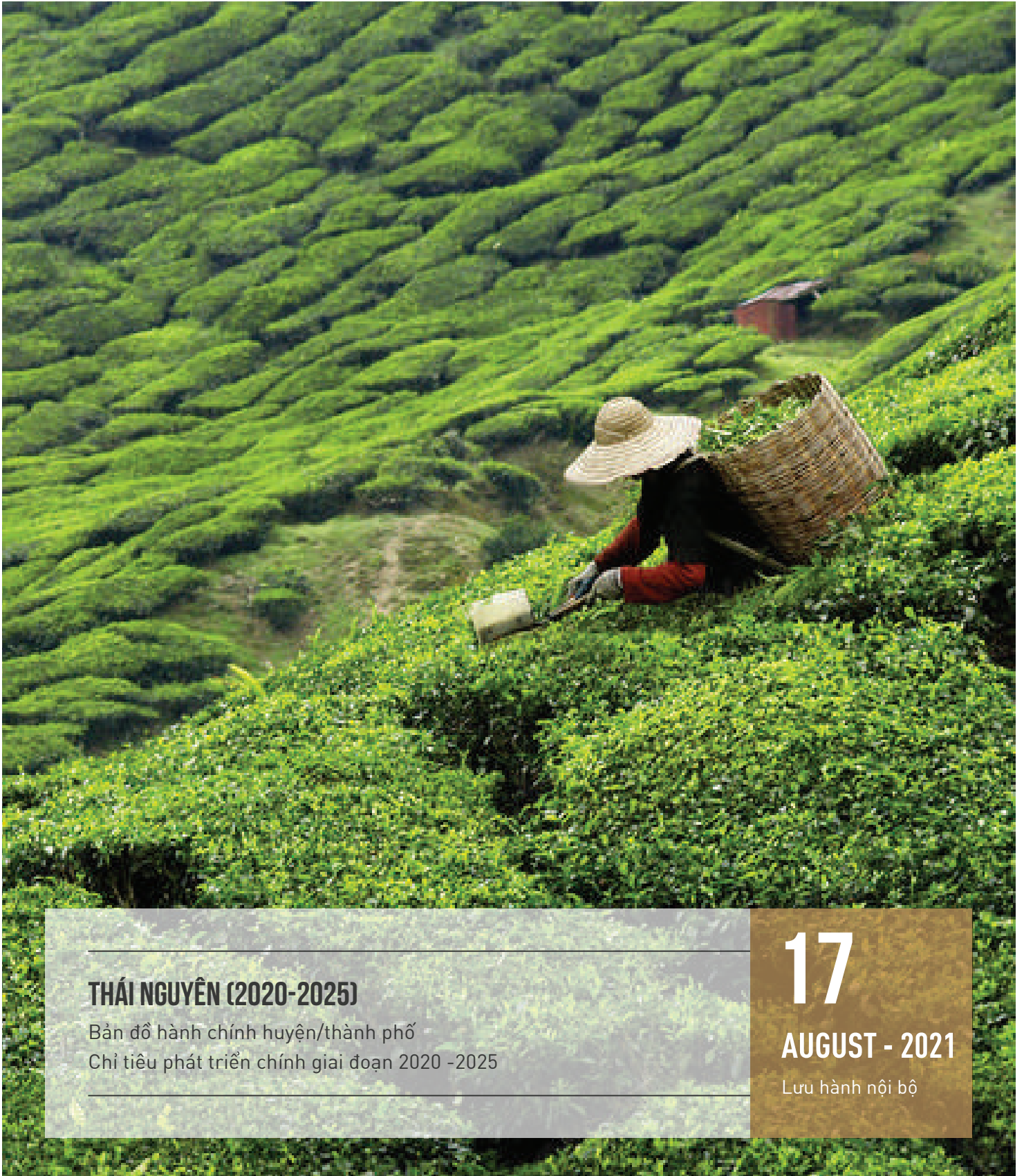


Land&Life

VOL.17 | THÁI NGUYÊN | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**
INTEGRATED INFRASTRUCTURE RESEARCH & RECOVERY KNOWLEDGE



THÁI NGUYÊN (2020-2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố
Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2020 -2025

17

AUGUST - 2021

Lưu hành nội bộ

Greeting from Editor!

Quý độc giả thân mến,

Chúng ta đang đi những bước đi đầu tiên của thập kỷ thứ ba của thế kỷ XXI. Đặc biệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã thông qua với những chiến lược phát triển quốc gia cho giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 – mốc 100 năm thành lập Đảng và năm 2045 – kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong số này, chúng ta cùng đi tìm hiểu về tỉnh Thái Nguyên với những định hướng phát triển trong thập kỷ mới.

Thái Nguyên là tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi Bắc bộ. Bên cạnh cái tên vùng “Đệ nhất danh trà” được biết đến, Thái Nguyên còn nắm giữ vai trò vị trí chiến lược: là trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng Trung du miền núi Đông Bắc nói chung, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Nhiệm kỳ vừa qua, Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu đáng kể trong phát triển kinh tế - xã hội: các chỉ tiêu đều vượt mục tiêu đề ra, đặc biệt chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh và bất phá ở khu vực công nghiệp tạo tiền đề cho những mục tiêu cao hơn trong nhiệm kỳ tới.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, Thái Nguyên định hướng xây dựng tỉnh trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội vào năm 2030. Các chỉ tiêu phát triển cụ thể của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung của *Land&Life*.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

BAN BIÊN TẬP

Mau Tuan

Hồ Mậu Tuấn



CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

VNMedia

TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Tất Hồng Dương

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Hồ Mậu Tuấn

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Trần Ngọc Sơn

Nguyễn Thị Nam

Phạm Hồng Hà

Nguyễn Nguyễn Quang Trung

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

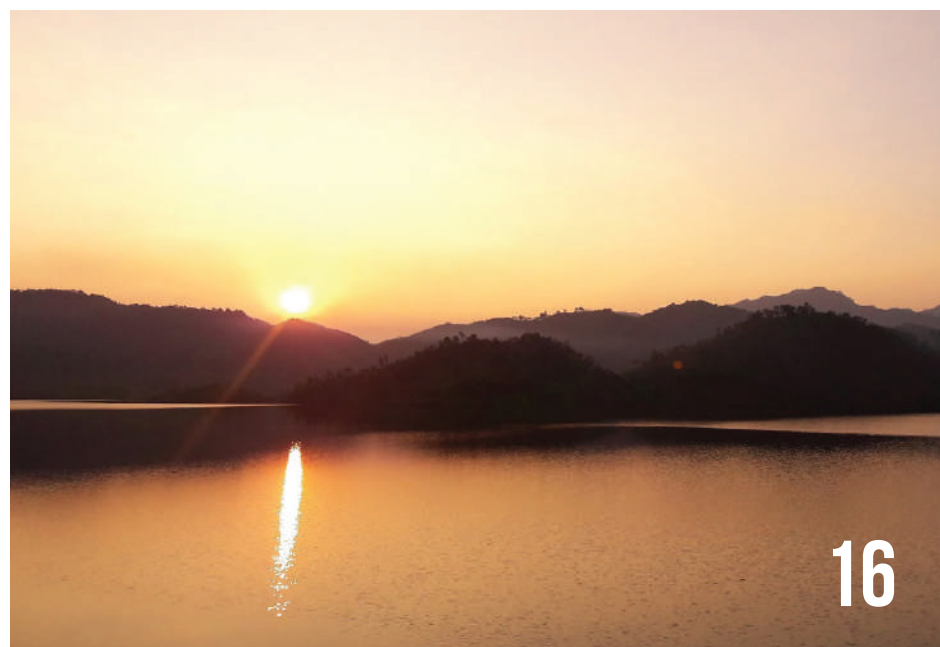
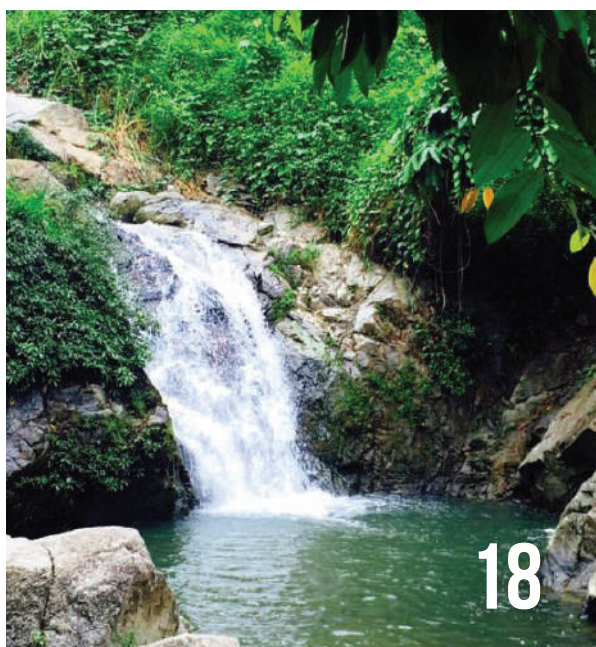


THIẾT KẾ

Phòng Phát triển cộng đồng

facebook.com/iirr.com | www.iirr.vn







22



24



26



34



30

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN



Thái Nguyên



VỊ TRÍ

Toạ độ địa lý 21°20' đến 22°03' vĩ độ Bắc và từ 105°52' đến 106°14' kinh độ Đông.

Mật độ: 366 người/km²

Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn

Phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn

Phía Nam giáp thủ đô Hà Nội

Phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Phúc.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 3.526,64 km²

Dân số trung bình: 1.290.945 người.

Mật độ: 366 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Thái Nguyên có 9 Đơn vị hành chính bao gồm: 02 Thành phố (thành phố Thái Nguyên và thành phố Sông Công), thị xã Phổ Yên và 06 huyện (Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Bình). Tổng số gồm 178 xã (137 xã, 32 phường và 09 thị trấn).

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao toàn diện đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Xây dựng Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội vào năm 2030.



1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân từ 8%/năm trở lên.
2. Cơ cấu kinh tế năm 2025: Công nghiệp, xây dựng 61%; dịch vụ 31%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 8%.
3. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân từ 9%/năm trở lên.
4. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng bình quân từ 3,5%/năm trở lên.
5. Giá trị xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân từ 7%/năm trở lên; trong đó, xuất khẩu địa phương tăng bình quân từ 11%/năm trở lên.
6. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không bao gồm thu tiền sử dụng đất từ hoạt động xổ số kiến thiết) tăng bình quân từ 10%/năm trở lên.
7. GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt từ 150 triệu đồng trở lên; thu nhập bình quân đầu người đạt từ 100 triệu đồng trở lên.



8. Đến hết năm 2025 có 95% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, ít nhất 06 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và đạt chuẩn nông thôn mới.
9. củng cố vững chắc và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; phấn đấu có 90% số trường đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục duy trì tỷ lệ ít nhất 8% học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, hoàn thiện cơ sở vật chất các trường nội trú theo hướng hiện đại.
10. Năm 2025, có 90% gia đình văn hóa; 80% xóm, phố văn hóa; 90% cơ quan đạt chuẩn văn hóa.
11. Năm 2025, duy trì trên 95% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98,5%.
12. Năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 3%.
13. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm (theo chuẩn mới) từ 1% trở lên.
14. Ổn định tỷ lệ che phủ rừng từ 46% trở lên; năm 2025 có 98% người dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
15. Bình quân hằng năm kết nạp đảng viên tỷ lệ từ 2,5% trở lên so với tổng số đảng viên của Đảng bộ đầu nhiệm kỳ. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên. Tỷ lệ Đảng bộ cấp trên cơ sở xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên.



VỊ TRÍ

Thành phố Thái Nguyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thái Nguyên, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật, y tế, du lịch, dịch vụ của tỉnh Thái Nguyên và vùng trung du miền núi phía Bắc, có vị trí địa lý:

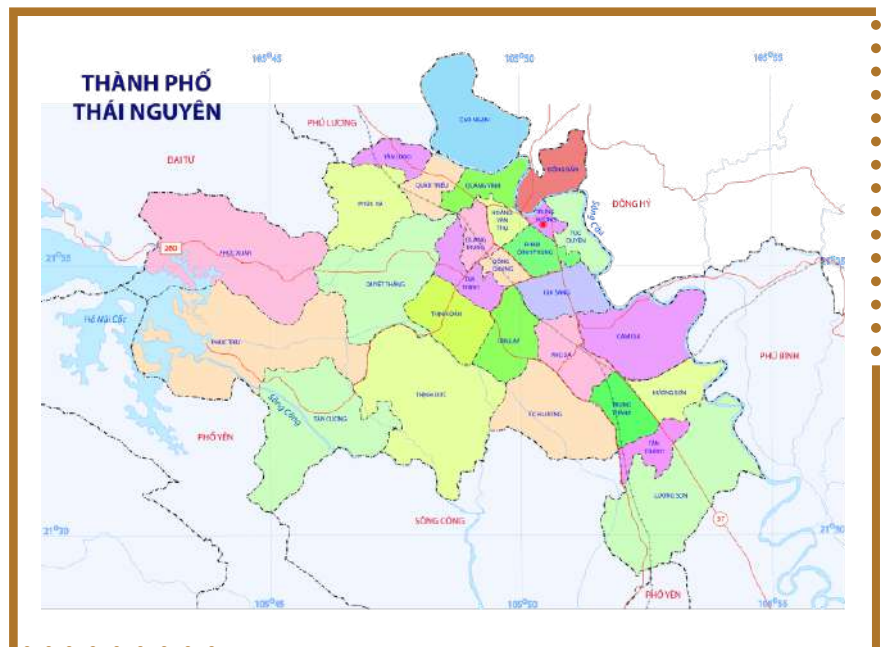
Phía Đông giáp huyện Đồng Hỷ và huyện Phú Bình
Phía Tây giáp huyện Đại Từ và thị xã Phổ Yên
Phía Nam giáp thành phố Sông Công
Phía Bắc giáp huyện Đồng Hỷ và huyện Phú Lương.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 222,93 km²

Dân số trung bình: 341.707 người.

Mật độ: 1.533 người/km²





ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Thái Nguyên có 32 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 21 phường (Cam Giá, Chùa Hang, Đồng Bẩm, Đồng Quang, Gia Sàng, Hoàng Văn Thụ, Hương Sơn, Phan Đình Phùng, Phú Xá, Quan Triều, Quang Trung, Quang Vinh, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Tích Lương, Trung Thành, Trưng Vương, Túc Duyên) và 11 xã (Cao Ngạn, Đồng Liên, Huống Thượng, Linh Sơn, Phúc Hà, Phúc Trìu, Phúc Xuân, Sơn Cẩm, Tân Cương, Thịnh Đức, Quyết Thắng).





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

“

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, giữ vững quốc phòng, an ninh; đổi mới, sáng tạo, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, xây dựng thành phố Thái Nguyên phát triển nhanh và bền vững theo hướng văn minh, hiện đại.

”



1. Phấn đấu đến năm 2025 tốc độ tăng trưởng của các ngành sản xuất bình quân tăng trên 15%. Trong đó, tốc độ tăng của ngành dịch vụ trên 18%; tốc độ tăng của ngành công nghiệp, xây dựng trên 12%; tốc độ tăng của ngành nông nghiệp trên 5%.
2. Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương đến năm 2025 bình quân hằng năm tăng 5%.
3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 78%.
4. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 0,9%.
5. Phấn đấu đến 2025, giảm trên 15% số người nghiện ma túy.
6. Đến năm 2025: giá trị sản phẩm trên 1ha đất nông nghiệp đạt 180 triệu đồng.
7. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 0,9%, hộ cận nghèo xuống còn 1%.
8. Mục tiêu 100% diện tích đất nội thị được quy hoạch phân khu.
9. 90% trường học đạt chuẩn Quốc gia.
10. 85% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 90% trở lên đảng viên hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ, bình quân kết nạp đảng viên đạt 2,5% trở lên so với tổng đảng viên toàn Đảng bộ.

THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG

VỊ TRÍ

Sông Công là thành phố công nghiệp, trung tâm kinh tế, hành chính, văn hóa - xã hội phía Nam của tỉnh Thái Nguyên, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp thành phố Thái Nguyên

Phía Đông giáp huyện Phú Bình

Phía Tây và phía Nam giáp thị xã Phổ Yên.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 96,71 km²

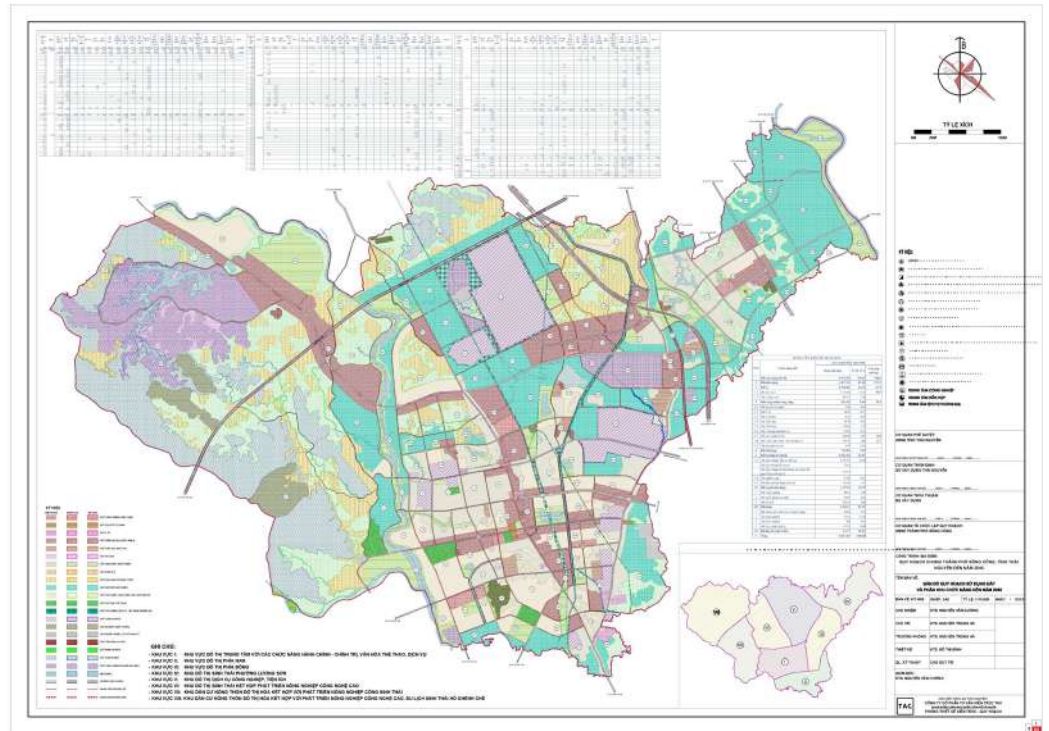
Dân số trung bình: 69.660 người.

Mật độ: 720 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Sông Công có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 7 phường: Bách Quang, Cải Đan, Châu Sơn, Lương Sơn, Mỏ Chè, Phố Cò, Thắng Lợi và 3 xã: Bá Xuyên, Bình Sơn, Tân Quang.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030



- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 17%/năm trở lên. Trong đó công nghiệp, xây dựng 17% trở lên.
- Giá trị xuất khẩu trên địa bàn bình quân tăng 15%/năm.
- Thu ngân sách nhà nước bình quân tăng 15%/năm trở lên.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 110 triệu đồng.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 0,5% trở lên.
- Hằng năm có trên 80% tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đảng viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80% trở lên.
- Năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75% trở lên.
- Huy động trên 9.000 tỷ đồng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật.





VỊ TRÍ

Phổ Yên là một thị xã nằm ở phía Nam tỉnh Thái Nguyên, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Phú Bình

Phía Đông Nam giáp huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Phía Tây giáp huyện Đại Từ và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Phía Nam giáp thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Phía Bắc giáp thành phố Sông Công

Phía Tây Bắc giáp thành phố Thái Nguyên.

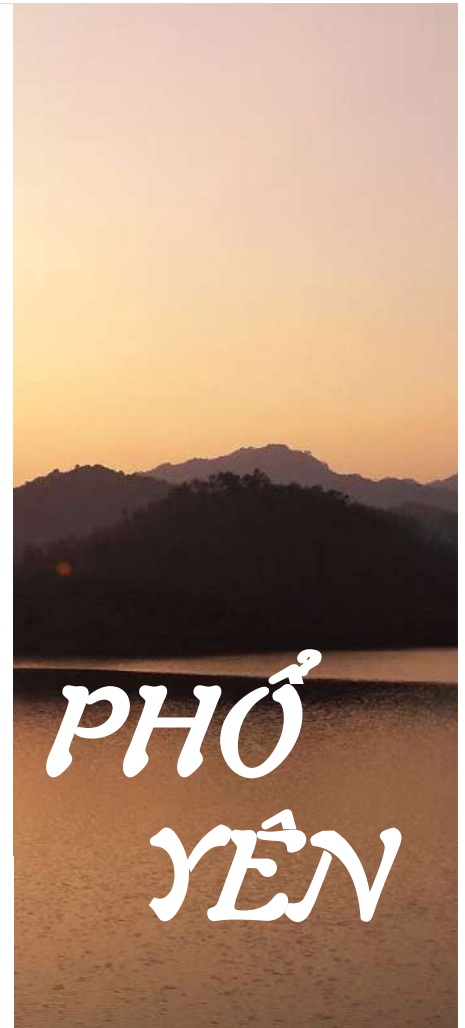


DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 258,89 km²

Dân số trung bình:
197.088 người.

Mật độ: 761 người/km²

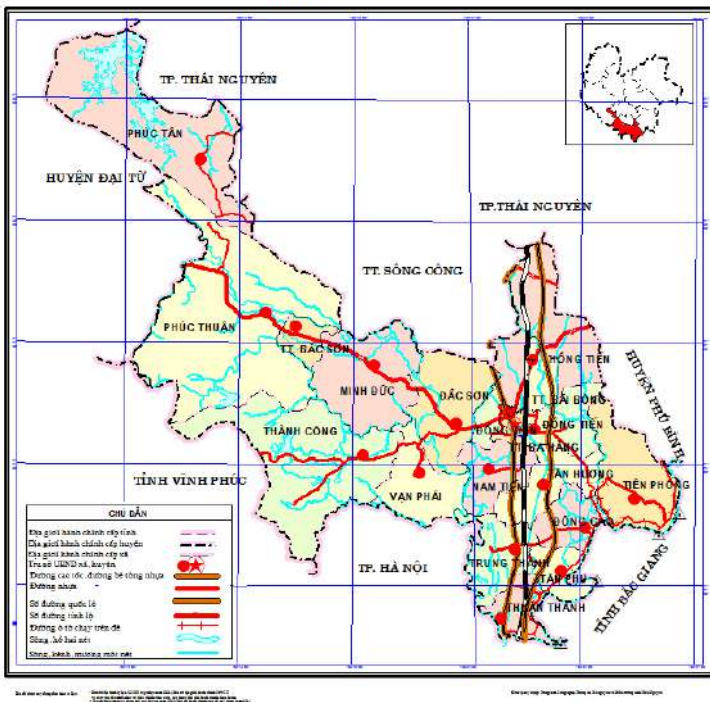


ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Phổ Yên có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 4 phường: Ba Hàng, Bãi Bông, Bắc Sơn, Đồng Tiến và 14 xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Hồng Tiến, Minh Đức, Nam Tiến, Phúc Thuận, Phúc Tân, Tân Hương, Tân Phú, Thành Công, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành, Vạn Phái.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN



‘Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; tiếp tục đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh cải cách hành chính, giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và xây dựng nông thôn mới, chăm lo phát triển văn hóa xã hội; đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng; Xây dựng thị xã Phổ Yên trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Thái Nguyên vào năm 2025’.

1. Tổng giá trị sản xuất Ngành Công nghiệp đến năm 2025 đạt 1.153.950 tỷ đồng, trong đó ngành công nghiệp do địa phương quản lý là 9.406 tỷ đồng.
2. Đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người đạt 110 triệu đồng/năm.
3. Có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
4. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí của đô thị loại III, xây dựng 9 xã trở thành phường để thị xã Phổ Yên trở thành thành phố Phổ Yên trực thuộc tỉnh vào năm 2025.
5. Bình quân hàng năm kết nạp đảng viên đạt tỷ lệ từ 2,5% trở lên so với tổng số đảng viên đầu nhiệm kỳ của Đảng bộ.
6. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên.
7. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 85% trở lên.



VỊ TRÍ

Huyện Định Hóa nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Phú Lương và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn

Phía Tây giáp huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Phía Nam giáp huyện Đại Từ

Phía Bắc giáp huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

ĐỊNH HÓA

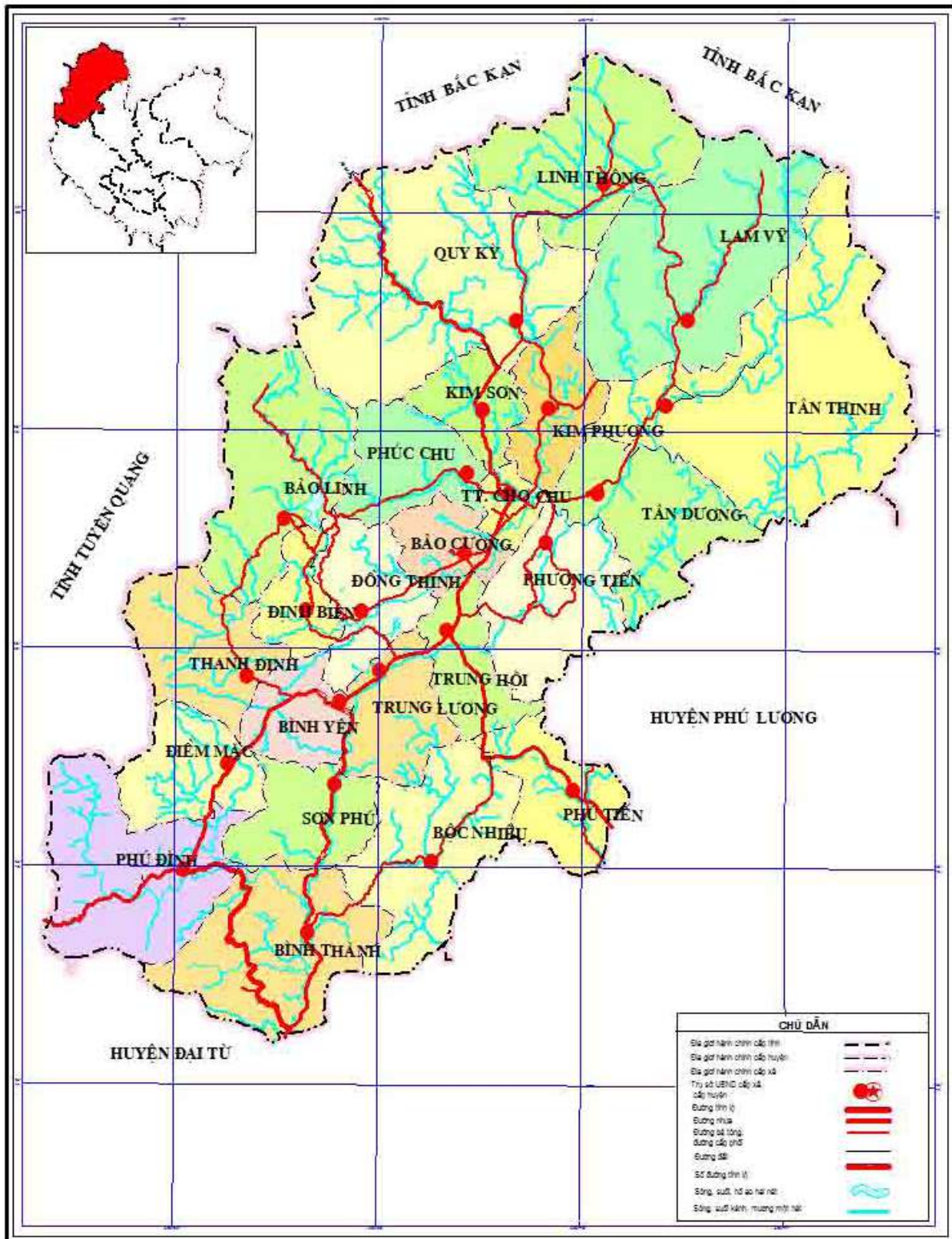
DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 513,52 km²

Dân số trung bình: 89.420 người.

Mật độ: 174 người/km²





ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Định Hóa có 23 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Chợ Chu và 22 xã: Bảo Cường, Bảo Linh, Bình Thành, Bình Yên, Bộc Nhiêu, Điềm Mặc, Định Biên, Đồng Thịnh, Kim Phượng, Lam Vỹ, Linh Thông, Phú Đình, Phú Tiến, Phúc Chu, Phượng Tiến, Quy Kỳ, Sơn Phú, Tân Dương, Tân Thịnh, Thanh Định, Trung Hội, Trung Lương.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

“

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp; đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản; phát huy giá trị các di tích lịch sử, lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm; mở rộng quy hoạch, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, quy hoạch, xây dựng các khu dân cư, xây dựng thị trấn Chợ Chu trở thành đô thị loại IV. Thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, các chính sách an sinh xã hội, việc làm và bảo vệ môi trường; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; xây dựng huyện Định Hóa phát triển nhanh, bền vững.

”

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) phấn đấu bình quân hàng năm tăng 13,5%/năm. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80,5 triệu đồng.
2. Cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ 51,1%; Công nghiệp - xây dựng: 31%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 17,9%.
3. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4%/năm trở lên. Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt đến năm 2025 đạt 105 triệu đồng.
4. Tổng sản lượng lương thực có hạt đến năm 2025 đạt 46.000 tấn, trong đó riêng thóc đạt 43.160 tấn



5. Đến năm 2025, phấn đấu có thêm 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 07 xóm đạt xóm nông thôn mới kiểu mẫu và 03 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu.
6. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân từ 10%/năm trở lên.
7. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không bao gồm thu tiền sử dụng đất, loại trừ các khoản thu phát sinh đột biến) tăng bình quân 10%/năm.
8. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm 1,2% trở lên. Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo bình quân 1%/năm.
9. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 50% trở lên, trong đó tỷ lệ lao động được cấp văn bằng, chứng chỉ đạt 30% trở lên; Giải quyết việc làm hàng năm trên 2.200 lao động.
10. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí Quốc gia về Y tế. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 12%.
11. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,5%.
12. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt trên 95%. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.
13. Đến năm 2025 có trên 85% gia đình văn hóa; trên 75% xóm, tổ dân phố văn hóa; trên 95% cơ quan văn hóa.
14. Duy trì ổn định độ che phủ rừng 59,9%; Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh: 72%; tỷ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt: 95% trở lên.
15. Bình quân hằng năm kết nạp đảng viên đạt tỷ lệ từ 2,5% trở lên so với tổng số đảng viên của Đảng bộ huyện đầu nhiệm kỳ. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên.



Huyện Võ Nhai nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thái Nguyên, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

VỊ TRÍ

Phía Tây giáp huyện Đồng Hỷ

Phía Nam giáp huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

Phía Bắc giáp huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn và huyện Na Rì, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 839,43 km²

Dân số trung bình: 68.196 người.

Mật độ: 81 người/km²

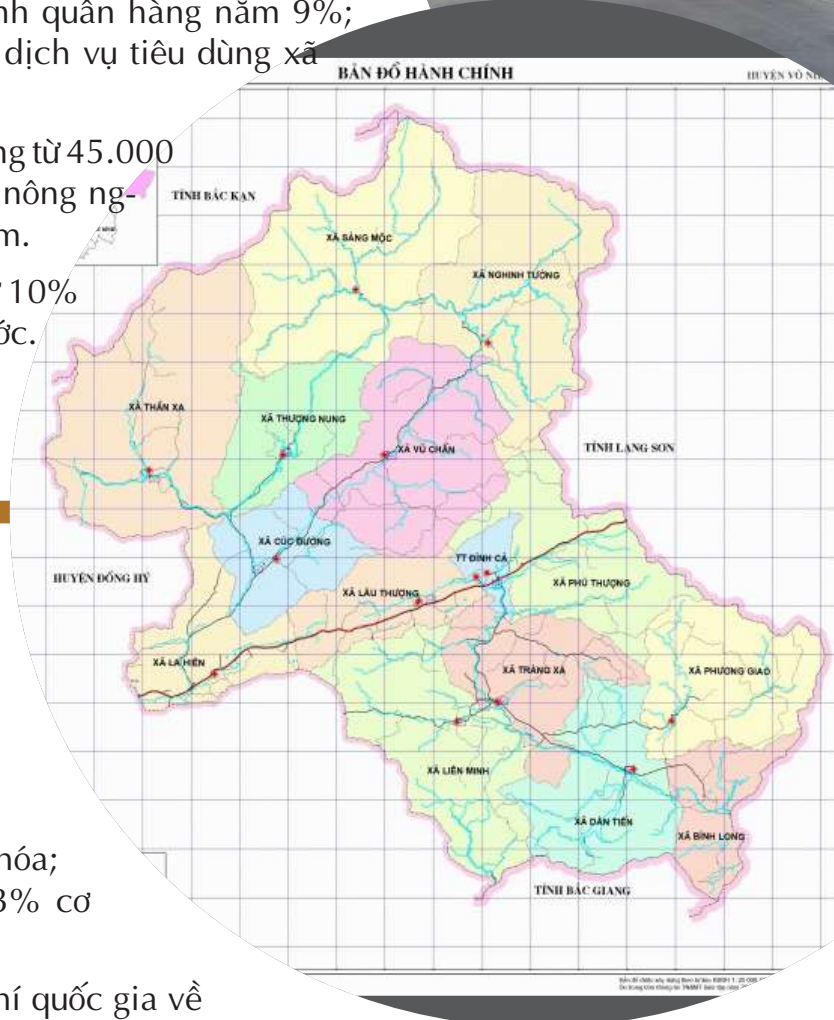
VÕ NHAİ

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Võ Nhai có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Đình Cả và 14 xã (Tràng Xá, Liên Minh, Phương Giao, Dân Tiến, Bình Long, Lâu Thượng, Phú Thượng, La Hiên, Cúc Đường, Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thượng Nung, Thần Sa).

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu trên địa bàn bình quân hàng năm tăng 7,1%/năm.
2. Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp, thủy sản (35%); công nghiệp, xây dựng (56%); thương mại, dịch vụ (9%).
3. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân năm 5,5%/năm.
4. Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân hàng năm 8 %/năm; trong đó giá trị sản xuất công nghiệp địa phương tăng bình quân 10%/năm.
5. Giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân hàng năm 9%; trong đó tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng bình quân 10%/năm.
6. Sản lượng lương thực có hạt hàng năm tăng từ 45.000 tấn/năm; giá trị sản phẩm trên 1ha đất nông nghiệp trồng trọt tăng bình quân 4,5%/năm.
7. Thu cân đối ngân sách hàng năm tăng từ 10% trở lên so với kết quả thực hiện năm trước.



1. Phấn đấu đến năm 2025 có 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới.
2. củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; phấn đấu có trên 82% số trường học đạt chuẩn quốc gia.
3. Đến năm 2025, có 85% gia đình văn hóa; 72% làng, xóm, tổ dân phố văn hóa; 93% cơ quan đạt chuẩn văn hóa.
4. Duy trì 15/15 xã, trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2020-2025; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi tính theo cân nặng 13%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi 15,6%; giảm tỷ suất sinh thô hàng năm đạt 0,1%; phấn đấu tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99%.
5. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 42% trở lên (trong đó 35% có văn bằng, chứng chỉ).
6. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm từ 3% trở lên.

PHÚ LƯƠNG

Huyện Phú Lương nằm ở phía Bắc tỉnh
Thái Nguyên, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Đồng Hỷ

Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Đại Từ

Phía Nam giáp thành phố Thái Nguyên

Phía Bắc và Tây bắc giáp huyện Định Hóa

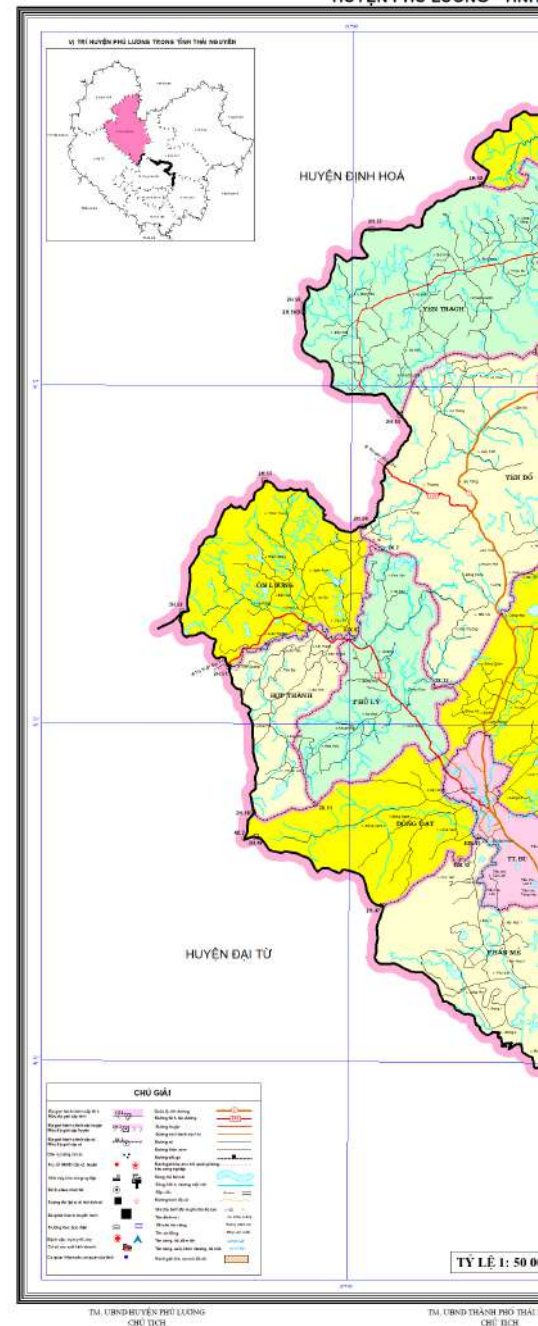
Phía Đông Bắc giáp huyện Chợ Mới, tỉnh
Bắc Kạn.

**VỊ
TRÍ**

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Phú Lương có 15 đơn vị hành chính cấp
xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Đu (huyện
lỵ), Giang Tiên và 13 xã: Cổ Lũng, Động Đạt,
Hợp Thành, Ôn Lương, Phấn Mễ, Phú Đô, Phủ
Lý, Tức Tranh, Vô Tranh, Yên Đỗ, Yên Lạc,
Yên Ninh, Yên Trạch.

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH HUYỆN PHÚ LƯƠNG - TỈNH THÁI NGUYÊN



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 350,71 km²

Dân số trung bình: 102.548 người.

Mật độ: 292 người/km²



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

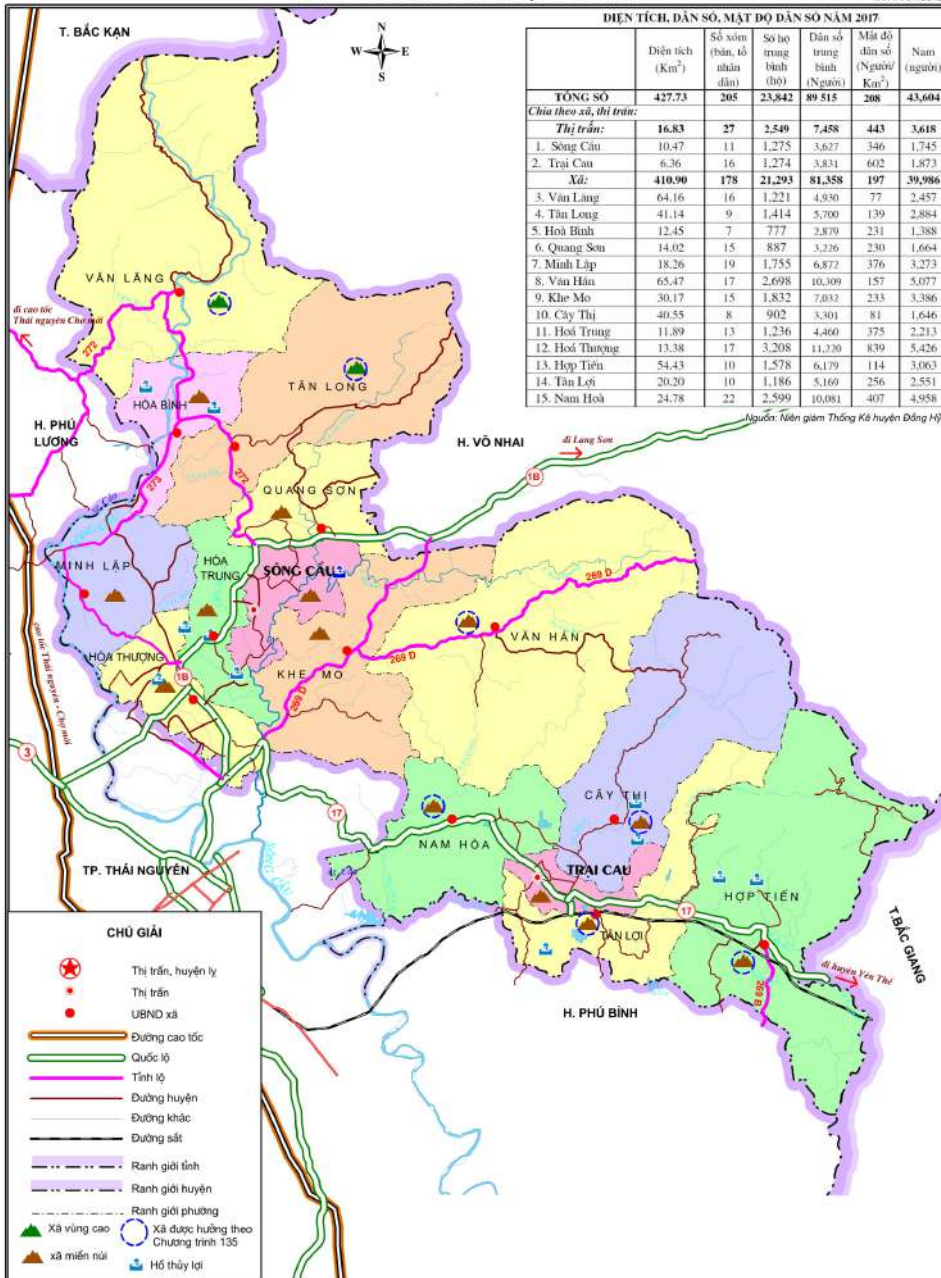
‘Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; phát huy dân chủ, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, phấn đấu xây dựng huyện Phú Lương phát triển nhanh, bền vững’

1. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 đạt 10,6%.
2. Giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân hàng năm 3,5% trở lên.
3. Đến năm 2025 có 13/13 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện cơ bản hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.
4. Thu cân đối ngân sách huyện tăng bình quân hàng năm 10%.
5. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 90%. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.
6. Duy trì 15/15 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; đến năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt trên 95%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi mỗi năm giảm 0,1%; giảm tỷ suất sinh thô bình quân 0,1%.
7. Tạo việc làm mới bình quân hàng năm 1.600 lao động trở lên; đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó có văn bằng chứng chỉ đạt 32%.
8. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm cao hơn mức giảm bình quân của tỉnh.
9. Hàng năm có 90% gia đình, 80% xóm (tổ dân phố), 95% cơ quan đạt chuẩn về văn hóa.
10. Hàng năm có 80% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên."



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐỒNG HỖ

TỈNH THÁI NGUYÊN



ĐỒNG HỖ



Đồng Hỷ là một huyện nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thái Nguyên, có vị trí địa lý:

Phía Đông và Đông Bắc giáp huyện Võ Nhai

Phía Đông Nam giáp huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

Phía Tây giáp huyện Phú Lương

Phía Nam giáp thành phố Thái Nguyên và huyện Phú Bình

Phía Bắc giáp huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

**VỊ
TRÍ**



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 42,73 km²

Dân số trung bình: 92.622 người.

Mật độ: 217 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đồng Hỷ có 15 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Sông Cầu, Trại Cau và 13 xã: Cây Thị, Hóa Thượng (huyện lỵ), Hóa Trung, Hòa Bình, Hợp Tiến, Khe Mo, Minh Lập, Nam Hòa, Quang Sơn, Tân Lợi, Tân Long, Văn Hán, Văn Lăng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành nông nghiệp, dịch vụ gắn với đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới; phấn đấu xây dựng huyện Đồng Hỷ phát triển toàn diện, thành huyện nông thôn mới”.

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất một số ngành kinh tế chủ yếu bình quân giai đoạn 2020-2025 là 5,7%, trong đó: Công nghiệp 8,9%; nông. lâm nghiệp, thủy sản 3,8%; thương mại, dịch vụ kinh tế chủ yếu 5,9%.
2. Giá trị sản phẩm trên 1ha đất nông nghiệp trồng trọt đạt 125 triệu đồng. Sản lượng lương thực cây có hạt đạt 41.000 tấn. Sản lượng chè búp tươi đạt 45.000 tấn.
3. Diện tích trồng rừng bình quân hàng năm đạt 600 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 49% trở lên.
4. Thu cân đối ngân sách hàng năm (không kể thu cấp quyền sử dụng đất) tăng bình quân 10%.
5. Giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS và xóa mù chữ mức độ 2; 100% số trường đạt chuẩn quốc gia (Trong đó trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 30%).



6. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%; trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt 30%. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 2% trở lên.
7. Duy trì 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 10%.
8. Hàng năm, 90% trở lên số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 80% trở lên xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa; 90% trở lên cơ quan đạt chuẩn văn hóa; 100% xã, thị trấn xây dựng được Nhà văn hóa trung tâm.
9. Xây dựng 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 03 xã nông thôn mới nâng cao và 01 xã nông thôn mới; phấn đấu huyện Đồng Hỷ trở thành huyện nông thôn mới.
10. Tỷ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 96% trở lên.
11. Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu hoàn thành 100% các chỉ tiêu về công tác quốc phòng, quân sự địa phương.
12. Hàng năm, thu hút 85% trở lên quần chúng vào sinh hoạt trong các tổ chức hội, trên 90% Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ.
13. Hàng năm, trên 80% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; phấn đấu hàng năm kết nạp được từ 2,5% đảng viên trở lên so với tổng số đảng viên của Đảng bộ đầu nhiệm kỳ.



ĐẠI TỪ

VỊ TRÍ

Đại Từ là một huyện miền núi nằm ở phía Tây bắc tỉnh Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên 25 km, nằm trong toạ độ từ $21^{\circ}26'B$ đến $21^{\circ}37'B$ và từ $105^{\circ}29'D$ đến $105^{\circ}46'D$, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Định Hóa

Phía Nam giáp thị xã Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên

Phía Đông Bắc giáp huyện Phú Lương

Phía Tây giáp huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

Phía Nam giáp huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 573,35 km²

Dân số trung bình: 172.289 người.

Mật độ: 300 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đại Từ có 30 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn (Hùng Sơn, Quân Chu) và 28 xã (An Khánh, Bản Ngoại, Bình Thuận, Cát Nê, Cù Vân, Đức Lương, Hà Thượng, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Ký Phú, La Bằng, Lục Ba, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phúc Lương, Phục Linh, Quân Chu, Tân Linh, Tân Thái, Tiên Hội, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng).



MỘT
SỐ
CHỈ
TIÊU
PHÁT
TRIỂN
CHÍNH
ĐẾN
NĂM
2025
TẦM
NHÌN
ĐẾN
NĂM
2030



‘Tiếp tục xây dựng Đảng, hệ thống chính trị của huyện trong sạch, vững mạnh; đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên các lĩnh vực; phát huy truyền thống đoàn kết, dân chủ, đổi mới, sáng tạo nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của địa phương để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ; đồng thời tập trung các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, mở rộng không gian đô thị; nâng cao chất lượng, hiệu quả trên lĩnh vực văn hóa – xã hội, đời sống vật chất, tinh thần Nhân dân; giữ vững quốc phòng, an ninh tạo môi trường ổn định để phát triển; huyện đạt nông thôn mới trước năm 2025; phấn đấu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành các tiêu chí chủ yếu theo tiêu chuẩn của thị xã trực thuộc tỉnh’.



Kinh tế:

1. Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu tăng bình quân 8%/năm;
2. Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 4%/năm trở lên;
3. Giá trị sản phẩm/ha đất nông nghiệp trồng trọt năm 2025 đạt 128 triệu đồng
4. Sản lượng lương thực bình quân đạt 67.900 tấn/năm;
5. Sản lượng chè búp tươi năm 2025 đạt 77.400 tấn
6. Thu ngân sách nhà nước trong cân đối (không bao gồm thu cấp quyền sử dụng đất) tăng bình quân 10%/năm;
7. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 9%/năm trở lên;
8. Phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.
9. Tài nguyên - Môi trường:
10. Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định từ 46% trở lên.
11. Năm 2025 có trên 98,5% số hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh.



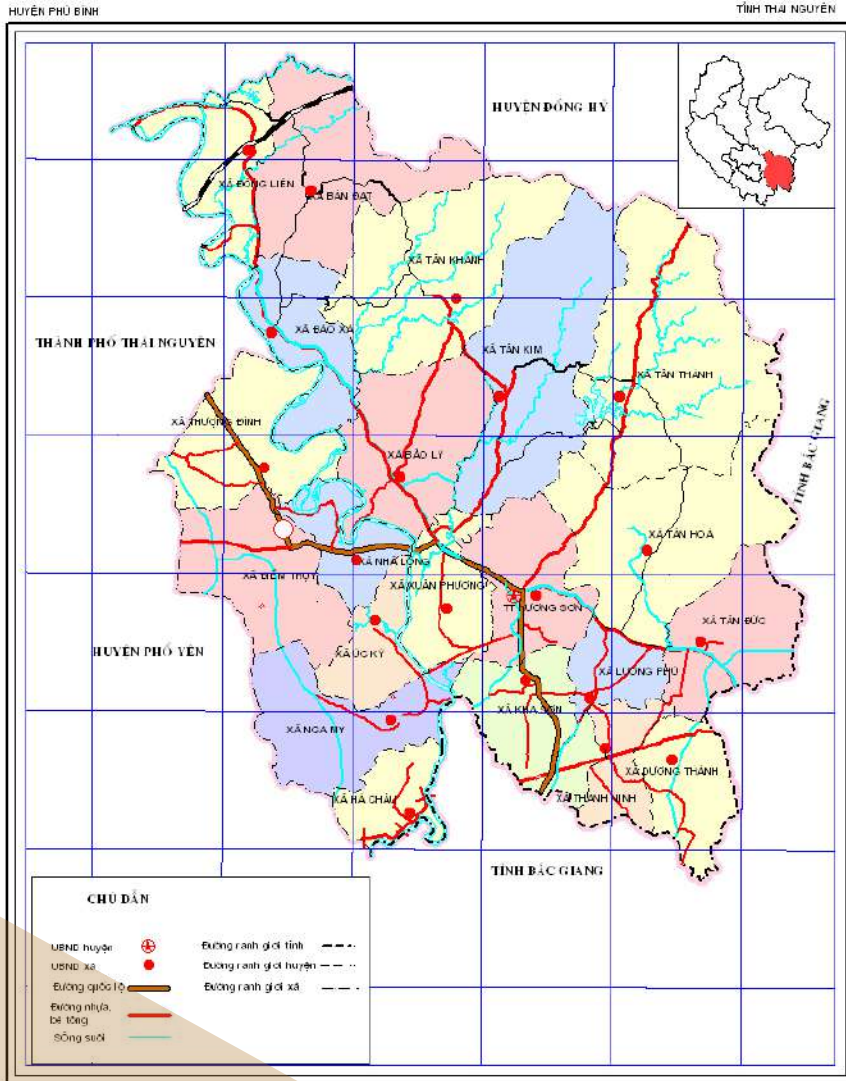
Văn hóa - Xã hội:

1. Duy trì 100% trường học đạt chuẩn quốc gia
2. Duy trì 100% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế;
3. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2025 đạt 98,5% trở lên.
4. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,2%/năm theo chỉ tiêu mới.
5. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 đạt trên 70%, trong đó tỷ lệ có văn bằng chứng chỉ đạt trên 30%.
6. Năm 2025 có trên 90% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 86% số xóm, tổ dân phố đạt khu dân cư văn hóa; 95% cơ quan đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Xây dựng Đảng:

7. Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên.
8. Tỷ lệ phát triển đảng viên hàng năm đạt 2,5% trở lên so với tổng số đảng viên của đảng bố đầu nhiệm kỳ.





Bản đồ được xây dựng dựa theo tư liệu:
 - Bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 cấp nhật năm 2010.
 - Bản đồ địa giới hành chính 2010 và các văn bản mới nhất về điều chỉnh địa giới, sắp xếp địa giới hành chính hiện hành.
 - Bản đồ hành chính cấp xã năm 2010.

Đơn vị xây dựng: Trung tâm Thông tin
 Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

VỊ TRÍ

Phú Bình là một huyện trung du nằm ở phía Đông Nam tỉnh Thái Nguyên, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Đồng Hỷ

Phía Tây giáp thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và thị xã Phổ Yên

Phía Đông và phía Nam giáp huyện Tân Yên, huyện Yên Thế và huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

PHÚ BÌNH

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 243,37 km²

Dân số trung bình: 157.415 người.

Mật độ: 647 người/km²

Huyện Phú Bình có 20 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm thị trấn Hương Sơn và 19 xã (Bàn Đạt, Bảo Lý, Dương Thành, Đào Xá, Diềm Thụy, Hà Châu, Kha Sơn, Lương Phú, Nga My, Nhã Lộng, Tân Đức, Tân Hòa, Tân Khánh, Tân Kim, Tân Thành, Thanh Ninh, Thượng Đình, Úc Kỳ, Xuân Phương).

HÀNH CHÍNH ĐƠN VỊ

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

“Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy dân chủ, đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút đầu tư; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ bền vững, gắn với bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới theo hướng kiểu mẫu và đô thị văn minh; tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội đồng bộ, ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, đô thị. Tiếp tục nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa xã hội,

xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Cùng cố vững chắc quốc phòng – an ninh. Huy động các nguồn lực, phấn đấu xây dựng huyện Phú Bình đạt chuẩn nông thôn mới và cơ bản đạt tiêu chuẩn thị xã vào năm 2025”.



1. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (theo giá so sánh) tăng bình quân trên 10%/năm.
2. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 16%/năm.
3. Thu nhập bình quân đạt 90 triệu đồng/người/năm.
4. Bình quân hàng năm kết nạp đảng viên đạt tỷ lệ từ 2,5% trở lên so với tổng số đảng viên của Đảng bộ huyện đầu nhiệm kỳ.
5. 100% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành nhiệm vụ, trong đó 80% trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ.
6. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên.
7. Ổn định sản lượng lương thực có hạt 75.000 tấn/năm.
8. Giá trị sản phẩm trên một ha đất nông nghiệp trồng trọt (theo giá thực tế) đạt 130 triệu đồng/ha.
9. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) giảm bình quân 1,8%/năm.
10. Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa là 95%, tỷ lệ khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa là 80% trở lên, phấn đấu 5 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.



DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN BAN NGÀNH TẠI TỈNH KHÁI NGUYÊN

	ĐỊA CHỈ	THÔNG TIN LIÊN LẠC
Cục Thuế tỉnh	11-13 đường Cách Mạng Tháng Tám Thành phố Thái Nguyên	ĐT: 02083 855 205 Email: phcqtv.TNG@gdt.gov.vn
Ban Nội chính	Số 18 đường Nha Trang, Phường Trưng Vương Thành phố Thái Nguyên	ĐT: 02083650894
Thanh tra Tỉnh	Phường Trưng Vương - Thành phố Thái Nguyên	ĐT: 0280 3752165 Email: Thanhtratinh@thainguyen.gov.vn
Ban Tuyên giáo	Số 28 Đường Phan Đình Phùng - TP.Thái Nguyên Tỉnh Thái Nguyên	ĐT: 0208 3855529 Email: vanthu.btgtu@thainguyen.gov.vn
Kho Bạc Nhà Nước	Tổ 3, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên Tỉnh Thái Nguyên	ĐT: 02083659678 Email: khobacnhanuoc@thainguyen.gov.vn
Sở Khoa học và Công nghệ	Số 513, Lương Ngọc Quyến thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên	ĐT: 0280 385569 Email: sokhcn@thainguyen.gov.vn
Thành phố Thái Nguyên	Số 10 - Đường Nguyễn Du - phường Trưng Vương	ĐT: 02083.858.156 Email: ubndtp@thainguyen.gov.vn
Thành phố Sông Công	Đường CMT8 - Phường Thắng Lợi - TP Sông Công	ĐT: 0208 3 862 238 Email: ubndsongcong@thainguyen.gov.vn
Thị xã Phổ Yên	Tổ dân phố 4 - phường Ba Hàng - Phổ Yên	ĐT: 02803863662 Email: vanphong.phoyen@thainguyen.gov.vn
Huyện Định Hóa	Thị trấn Chợ Chu - Huyện Định Hóa	ĐT: 0208.3.878.453 Email: ubnndinhhoa@thainguyen.gov.vn
Huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả - Huyện Võ Nhai	ĐT: 02803.827.212 Email: banbientap.vonhai@thainguyen.gov.vn
Huyện Phú Lương	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương	ĐT: 0208 3 874 436 Email: bbt.phuluong@thainguyen.gov.vn
Huyện Đồng Hỷ	Xóm Sơn Quang - Xã Hóa Thượng - Huyện Đồng Hỷ	ĐT: 0208.3820.129 Email: ubnndonghy@thainguyen.gov.vn
Huyện Đại Từ	Thị trấn Hùng Sơn - Huyện Đại Từ	ĐT: 0208 3824200 Email: ubnndaitu@thainguyen.gov.vn
Huyện Phú Bình	Thị trấn Hùng Sơn - Huyện Đại Từ	ĐT: 0208.3.867.205 Email: ubndhphubinh@gmail.com

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN BAN NGÀNH TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN

	ĐỊA CHỈ	THÔNG TIN LIÊN LẠC
Ban tổ chức tỉnh ủy Thái Nguyên	Số 2, Phường Trưng Vương - TPTN Tỉnh Thái Nguyên	ĐT: 02083.859.549 Email: vanthubtc@thainguyen.gov.vn
Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên	Số 17 Đường Đội Cấn - Thành phố Thái Nguyên	ĐT: 0280 3651 864 Email: bandantoc@thainguyen.gov.vn
Sở Ngoại Vụ	Số 9, đường Hùng Vương, TP Thái Nguyên	ĐT: 0280 3 858 289 Email: songoaivu@thainguyen.gov.vn
Sở Giáo dục và Đào tạo	Ngõ 185, Đường Lương Ngọc Quyến Thành phố Thái Nguyên	ĐT: 02083855743 Email: admin@thainguyen.edu.vn
Sở Tư pháp	Số 7 đường CMT8 - TP Thái Nguyên Tỉnh Thái Nguyên	ĐT: 0208.3855.545 Email: sotuphap@thainguyen.gov.vn
Sở Du lịch	Số 19 đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên	ĐT: 0208.3855506 Email: sovhttdl@thainguyen.gov.vn
Sở Tài nguyên và Môi trường	132 Hoàng Văn Thụ - Thành phố Thái Nguyên Tỉnh Thái Nguyên	ĐT: 0208 3855 636
Sở Công Thương	Số 366/1 đường Bắc Kạn Phường Hoàng Văn Thụ - T.P Thái Nguyên	ĐT: 0208.3855.255 Email: thainguyentpc@gmail.com
Sở Xây dựng	Đường Nguyễn Du - Phường Trưng Vương Thành phố Thái Nguyên	ĐT: 0208. 3855411 Email: soxd@thainguyen.gov.vn
Văn phòng UBND tỉnh	Số 18, đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên	ĐT: 0208.3851149 Email: portal@thainguyen.gov.vn
Sở Y tế	Số 143 đường Phùng Chí Kiên Phường Túc Duyên - Thành phố Thái Nguyên	ĐT: 0208 3655504 Email: soyte@thainguyen.gov.vn
Sở Thông tin và Truyền thông	số 5, đường Nha Trang - Phường Trưng Vương Thành phố Thái Nguyên	ĐT: 02083.655.369 Email: sotttt@thainguyen.gov.vn
Sở Nội vụ	Số 17 đường Đội Cấn - Phường Trưng Vương Thành phố Thái Nguyên	ĐT: 0280.3856.474 Email: sonoivu@thainguyen.gov.vn
Sở Giao thông Vận tải	Số 350 - P. Quang Trung - TP. Thái Nguyên Tỉnh Thái Nguyên	ĐT: 02803 856534 Email: sogtvt@thainguyen.gov.vn
Sở Kế hoạch và Đầu tư	Số 18 - Đường Nha Trang - Phường Trưng Vương TP.Thái Nguyên	ĐT: 0208.3.855688 Email: sokhdt@thainguyen.gov.vn

TÀI LIỆU THAM KHẢO



**Đại hội Đảng bộ các cấp của Tỉnh Thái Nguyên
nhiệm kỳ 2020-2025**

Nội dung:

**Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ
XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025:**

<https://bit.ly/3rDaE2i>

Thành Phố Thái Nguyên:

**Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Thái
Nguyên lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025:**

<https://bit.ly/3eXDaqe>

Thành phố Sông Công:

**Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố
Sông Công thứ IX, nhiệm kỳ 2020-2025:**

<https://bit.ly/2VexFMz>

Thị xã Phổ Yên:

**Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Phổ Yên
thứ II, nhiệm kỳ 2020-2025:**

<https://bit.ly/3i1eUoS>

Huyện Định Hoá:

**Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Định
Hoá thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025:**

<https://bit.ly/3BFHLad>

Huyện Võ Nhai:

**Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai
lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025:**

<https://bit.ly/3ia3srn>

Huyện Phú Lương:

**Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Phú
Lương lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025:**

<https://bit.ly/3BPsmE3>

Huyện Đồng Hỷ:

**Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đồng
Hỷ thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025:**

<https://bit.ly/3BIIFT8>

Huyện Đại Từ:

**Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đại Từ
thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025:**

<https://bit.ly/2VdsBIB>

Huyện Phú Bình:

**Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Phú
Bình thứ XXVII, nhiệm kỳ 2020-2025:**

<https://bit.ly/3iKRH9Q>

"Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Thái Nguyên" Trích Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2019

Đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Mật độ dân số (Người/km ²)	Dân số trung bình
Thành phố Thái Nguyên	222,93	1.533	341.707
Thành phố Sông Công	96,71	720	69.660
Thị xã Phổ Yên	258,89	761	197.088
Huyện Định Hoá	513,52	174	89.420
Huyện Võ Nhai	839,43	81	68.196
Huyện Phú Lương	350,71	292	102.548
Huyện Đồng Hỷ	42,73	217	92.622
Huyện Đại Từ	573,35	300	172.289
Huyện Phú Bình	243,37	157.415	647



